



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam

Vietnam Pepper Association

Head office: 135A Pasteur. Dist. 3 Ho Chi Minh City

Tel: (84-28) 3823.7288 – 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901

Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

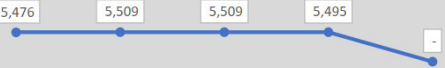
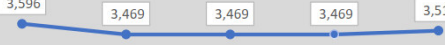
BẢN TIN TUẦN IPC

Số 36/21, 30/08-03/09/2021

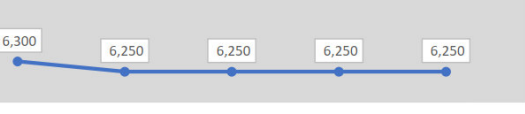
THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường cho thấy phản ứng trái chiều với tiêu đen Indonesia ghi nhận mức tăng cao.
02. Ấn Độ - Giá Hồ tiêu Ấn Độ tiếp tục chiều hướng tăng trong 3 tuần qua.
03. Indonesia - Giá tiêu đen tiếp tục tăng kể từ đầu tháng 8. Trong khi đó, giá tiêu trắng có xu hướng giảm.
04. Malaysia - Giá tiêu địa phương tiếp tục ghi nhận xu hướng tăng trong 6 tuần qua. Trong khi đó giá quốc tế ghi nhận sự ổn định.
05. Hoa Kỳ và châu Âu: Thị trường Hoa Kỳ và châu Âu dao động do ảnh hưởng của đại dịch và vấn đề container.
06. Nhập khẩu Hồ tiêu của Tây Ban Nha (2019-2021).

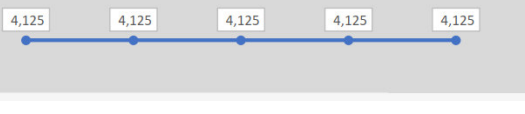
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn		Giá hàng ngày (30/08-03/09)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
	Ex-Kochi		5,497 - 5,374	2% ↑
	Ex-Lampung		3,601 - 3,434	5% ↑
	Ex-Kuching		4,903 - 4,819	2% ↑
	Ex- HCM		3,224 - 3,269	-1% ↓
	Sri Lanka		3,503 - 3,644	-4% ↓

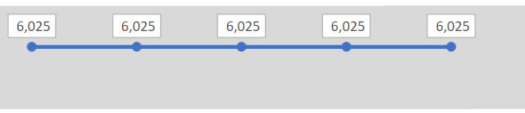
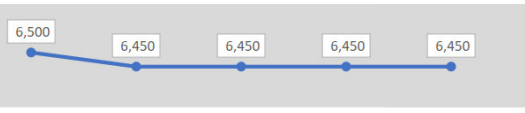
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (30/08-03/09)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		6,363 - 6,452	-1% 
 Ex-Kuching		7,001 - 6,708	4% 
 Ex-HCM		5,049 - 5,147	-2% 
 Ex-Hainan		6,260 - 6,300	-1% 

GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (30/08-03/09)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		5,771 - 5,644	2% 
 Lampung ** ASTA		4,276 - 4,084	5% 
 Kuching ASTA		6,020 - 6,001	0% 
 Ho Chi Minh 500g/l		4,025 - 4,035	0% 
 Ho Chi Minh 550g/l		4,125 - 4,135	0% 

GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

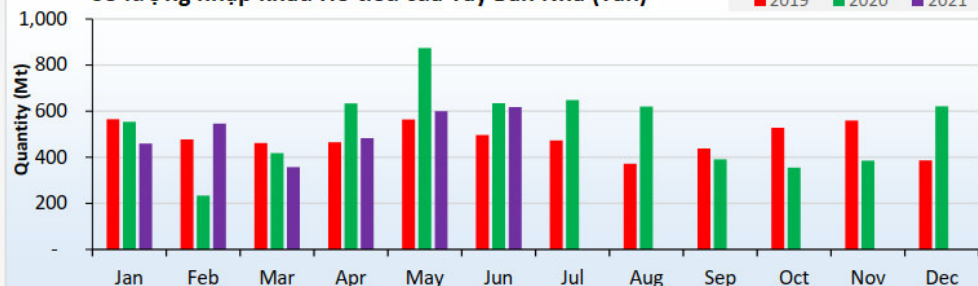
Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (30/08-03/09)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		7,327 - 7,425	-1% 
 Kuching ASTA		7,939 - 7,920	0% 
 Ho Chi Minh FAQ		6,025 - 6,035	0% 
 Haikou FAQ		6,460 - 6,500	-1% 

NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA TÂY BAN NHA

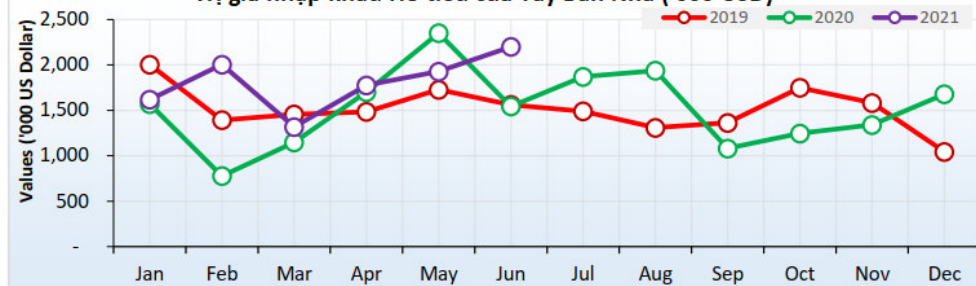
NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA TÂY BAN NHA



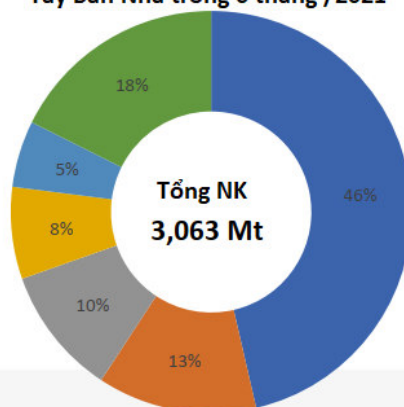
Số lượng nhập khẩu Hồ tiêu của Tây Ban Nha (Tấn)



Trị giá nhập khẩu Hồ tiêu của Tây Ban Nha ('000 USD)



5 quốc gia là nhà cung cấp hồ tiêu lớn nhất của Tây Ban Nha trong 6 tháng /2021



- 1 Viet Nam : 1,421 Mt
- 2 Brazil : 394 Mt
- 3 India : 318 Mt
- 4 Belgium : 227 Mt
- 5 Indonesia : 164 Mt
- 6 Others : 539 Mt



Nhập khẩu Hồ tiêu của Tây Ban Nha (2019-2021)		<u>2019</u>	<u>2020</u>	<u>2021*</u>
	Tổng lượng nhập (tấn)	5,789	6,370	3,063
	Tổng trị giá nhập ('000 \$)	\$18,166	\$18,248	\$10,846
	Tiêu hạt	80%	77%	77%
	Tiêu xay	20%	23%	23%
Chênh lệch (%)		n.a	10%	-9%
	Tiêu hạt	\$ 3,276	\$ 2,957	\$ 3,991
	Tiêu xay	\$ 2,587	\$ 2,557	\$ 2,324

* Tính đến tháng 6/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	5,100 FOB Sep/Oct	n.a
Lampung black (ASTA)	4,350 FOB Sep/Oct	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	4,500 FOB Sep/Oct	n.a
Sarawak black (YL)	4,600 FOB	n.a
Viet Nam black (ASTA)	4,750 CF Sep/Oct	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	7,000 FOB Sep/Oct	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	7,000 FOB	n.a
Viet Nam white (DW)	6,550 CF Sep/Oct	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.46	73.04	14,301	4.16	23,765	207.99
Tuần trước	6.48	74.15	14,414	4.21	23,800	199.93